

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bạn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 18

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng

Thời gian: 18/7/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức từ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính, chúc mọi người buổi chiều tốt lành!

Chúng ta tiếp tục xem điều thứ bảy trong mười giới sa-di là “không ca múa, biểu diễn nghệ thuật và đi xem nghe”. Buổi giảng trước chúng tôi giảng đến “tùy văn thích nghĩa”, là căn cứ theo lời văn này để giải thích. Chúng tôi giảng đến “*hát khúc ngâm thơ gọi là ca, vẩy tay nhịp chân gọi là múa*”. “Vẩy tay nhịp chân”, vẩy tay tức là vung vẩy cánh tay, nhịp chân tức là dùng chân gõ nhịp xuống mặt đất, cũng có nghĩa là nhảy, cũng chính là nhảy múa. Những trò tiêu khiển ca hát, nhảy múa này đều rất dễ khiến đạo tâm của chúng ta bị ô nhiễm, làm hỗn loạn thần trí của chúng ta, cho nên sa-môn xuất gia không được cố ý đi xem nghe ca múa.

Ở đây xin kể cho mọi người nghe một công án, ở trong “Đại Tì-bà-sa Luận” có kể một câu chuyện như sau. Thời xưa có một vị quốc vương, ông dẫn theo các cung nữ đi du sơn ngoạn thủy, vào trong núi đốt hương thơm nổi tiếng, tấu ngũ nhạc để những cung nữ này khỏa thân nhảy múa, mùi hương cũng rất thơm. Khi ấy có 500 tiên nhân họ đã tu được thần thông rồi, đang bay ở trên không trung ngang qua nơi này. Kết quả, ở trên không trung nghe thấy tiếng hát của các cung nữ vô cùng êm tai, vậy là cũng ngắm nhìn những cung nữ này nhảy múa, do đó tâm sanh tham nhiễm, kết quả thần thông đột nhiên mất hết, liền rơi từ trên không trung xuống. Quốc vương thấy 500 người này rơi từ trên không trung xuống thì rất tức giận, cầm kiếm hỏi họ rằng: “các ngươi là ai mà lại dám ở đây muốn xem trộm cung nữ của ta lỏa thể nhảy

múa”. Họ liền trả lời rằng: “chúng tôi là tiên nhân.” Quốc vương hỏi: “các ngươi đã là tiên nhân, [thế các ngươi] có thần thông không?” Họ nói: “trước đây chúng tôi đã đạt được, nhưng bây giờ đã mất hết rồi”. Quốc vương rất tức giận nói: “các ngươi là những kẻ chưa ly dục mà lại nhìn cung nữ của ta nhảy múa”, vậy là sai binh sĩ chặt đứt hết tay chân của họ, cho nên đây là báo ứng lập tức xuất hiện. Bạn xem, tâm sanh ái nhiễm đối với những trò ca múa này, muốn đi xem nghe thì lập tức có cái hại như vậy. Đương nhiên những tiên nhân này chỉ bị cắt thân thể, còn chúng ta xuất gia hành đạo sa-môn, nếu ái nhiễm những trò ca múa này thì pháp thân huệ mạng của chúng ta xem như cũng bị cắt xẻ, làm hại rồi.

Kinh văn tiếp theo lại nói: *“Thổi tiêu, đánh đàn, chơi cờ song lục, cờ vây, gieo xúc xắc cá tiên, bốc thuốc coi bói, chiêm tinh, ném thẻ vào bình, bắn cung, đua ngựa, múa kiếm v.v. đều gọi là biểu diễn nghệ thuật, không phải là hành vi của người xuất gia”*. Tiêu tức là tên một loại nhạc cụ. “Thổi tiêu”, thời xưa tiêu đều được làm bằng ống trúc, tiêu dài 50cm, tiêu lớn thì có 23 ống, tiêu nhỏ có 16 ống. Âm thanh của loại tiêu này rất trong trẻo, du dương, cho nên gọi là “nghiêm trang thanh thoát”. Chữ tiêu này là chữ trúc cộng thêm chữ túc, có bộ trúc, và một chữ túc trong từ nghiêm túc. Chữ trúc tức là nó được làm bằng ống trúc, túc tức là nói âm thanh của nó nghiêm trang. Đây là nhạc cụ thời xưa thường dùng, nó đại diện cho tất cả những nhạc cụ này. “Đánh đàn”, đánh đàn cũng là tấu nhạc. Một cái là tiêu, tiêu là nhạc cụ ống, đàn là nhạc cụ dây. Nhạc cụ ống, nhạc cụ dây là đại diện cho tất cả nhạc cụ.

Tiếp theo lại nói “chơi cờ song lục”, cổ đức giải thích cờ song lục cũng gọi là lục bác, tức là gieo xúc xắc, nhưng phía sau lại nói đến cá tiên, gieo xúc xắc cá tiên, cho nên song lục ở đây cũng có thể lý giải là chơi cờ, tức là đánh cờ. Bởi vì song lục và cờ vây hợp lại cùng nhau, cũng tức là nói hai người đang đánh cờ, chơi cờ. Còn “cờ vây” thì chúng ta đều rất rõ ràng rồi, hiện nay vẫn có rất nhiều người chơi cờ vây, thậm chí xem nó là một môn thể thao. Vì sao người xuất gia không đánh cờ, không chơi cờ? Bởi vì những hoạt động này sẽ tăng trưởng tâm háo thắng cạnh tranh của một người. Như chúng ta đánh cờ tướng, cờ tướng là thuộc về đánh cờ, tức là phải ăn từng quân từng quân của đối phương, cuối cùng nếu ăn được tướng của họ thì thắng rồi, cho nên đây là một loại tâm sát, một loại tâm đấu tranh, loại tâm này hoàn toàn trái ngược với việc tu đạo. Người tu đạo cần phải tu tâm từ bi, cần phải từ bi hỷ xả, vì chúng sanh phụng hiến thì làm sao có thể có tâm háo thắng cạnh tranh, ưa hung bạo đấu đá như vậy được? Bây giờ chẳng những đánh cờ mà có rất nhiều

người chơi game. Trong game có rất nhiều hoạt động, đủ thứ kỳ quái, cái gì cũng có, đây đều thuộc về loại biểu diễn nghệ thuật này, đều tổn hại nghiêm trọng đến đạo tâm của chúng ta, cho nên đều phải tránh xa.

“Gieo xúc xắc”, từ này có người gọi là gieo xí ngẫu. Lúc tôi còn nhỏ, ở trong gia tộc khi đến ngày Tết, ngày nghỉ lễ cũng chơi. Tức là một hình vuông, hình khối vuông, 6 mặt đều có chấm chia thành 1, 2, 3, 4, 5, 6; 1, 3, 6 là chấm đỏ, đều có chấm khác nhau, hoặc là toàn màu đỏ, hoặc có màu đỏ, có màu đen, khi gieo có thể thấy điểm của ai lớn hơn, có các loại mức độ khác nhau. Khi ấy tôi nhớ điểm lớn nhất là 6 quân đều màu đỏ, 6 quân đỏ, như vậy thì xem như có thể thắng tiền của người ta rồi. Đương nhiên cũng có thể dùng 3 quân để gieo. Những trò chơi dân gian này cũng khiến chúng ta sanh khởi tâm tham ái dục lạc, tâm phóng dật. Nếu là “cá tiên”, dùng những hoạt động này để đánh bạc thì càng không được. Người xuất gia vốn dĩ đều không được cầm giữ tiền bạc, như điều giới thứ mười, ở phía sau chúng tôi sẽ giảng đến, cho nên ngay đến tiền cũng không được chạm vào, không được tích trữ thì làm sao có thể đi đánh bạc để thắng tiền của người khác về phía mình cho được? Việc này là sai lầm lớn, đặc biệt sai lầm, cho nên ngay cả đến sòng bạc xem người ta đánh bạc thì người xuất gia cũng không được đi, đương nhiên bản thân càng không được tham gia đánh bạc, bất cứ hình thức đánh bạc nào cũng không được.

“Bốc thuốc coi bói”, đây là nói, y chính là y thuật, bốc chính là coi bói. Thời xưa y thuật, coi bói đều thường gộp chung với nhau, sau này thì tách ra. Trung Quốc đều phát triển Trung y, người phương tây thì có Tây y. Những y thuật này nếu là vì cứu người thì có thể được, người xuất gia học, y thuật có thể cứu giúp bệnh khổ, việc này có thể được. Như triều nhà Đường, chúng ta biết luật sư Giám Chân, ngài chính là một vị đại sư rất tinh thông y học, cho nên ngài đến Nhật Bản không chỉ truyền giới, mà còn đem y thuật của Trung Quốc, đem rất nhiều văn hóa truyền thống, kỹ thuật của Trung Quốc đều truyền sang Nhật Bản. Ở đây chủ yếu nói không được dùng bói toán, tức là dùng phương pháp bói toán để đoán trước cát hung họa phúc. “Chiêm tinh” cũng là thông qua quan sát tinh tú để dự đoán cát hung, đây không phải là những việc mà người xuất gia nên làm.

Vì sao người xuất gia không nên xem bói toán? Trước tiên, chúng ta phải biết trong Phật pháp nói vận mệnh đều có thể thay đổi. Vận mệnh mà bạn bói được, những tượng quẻ này trên thực tế là quả báo của nghiệp thiện ác mà bạn đã tích lũy trong đời quá khứ, thông qua tượng quẻ, thông qua bát tự v.v. hiển hiện ra mà thôi, không

phải do những bất tự, tượng quẻ này quyết định vận mệnh của bạn, mà nó bị nghiệp thiện ác trong quá khứ của bạn quyết định. Ví dụ đời trước bạn tu thiện rất lớn thì bạn sanh ra tự nhiên sẽ cảm được bất tự vô cùng đẹp, cho nên người xem bất tự của bạn liền biết đời này bạn sẽ rất giàu có, rất có phước báo. Phú quý, phước báo của bạn không phải do bạn có bất tự đẹp, mà do đời trước bạn đã tu thiện nghiệp. Bất tự đẹp cũng là một thứ quả báo mà thôi, cho nên nhân thật sự là bản thân tu được, quả cũng là bản thân cảm được. Phật pháp nói vận mệnh tương lai đều nằm trong tay mình, nếu bạn hy vọng vận mệnh tương lai tốt, vậy bây giờ bạn hãy cố gắng tu thiện thì có thể thay đổi tương lai.

Giả sử bạn rất nỗ lực tu, như tiên sinh Viên Liễu Phàm triều nhà Minh, ông không cần đợi đến đời sau, mà vận mệnh ngay đời này đã thay đổi rồi. Nếu càng nỗ lực tu hơn thì sẽ thay đổi càng nhanh. Tiên sinh Liễu Phàm dùng mười mấy năm để thay đổi vận mệnh, mười mấy năm mới thay đổi tốt được. Ông phát nguyện liên tiếp ba lần, lần thứ nhất phát nguyện làm 3.000 việc thiện, tu 10 năm mới viên mãn. Ông tu việc thiện này, đương nhiên nếu làm việc ác thì phải trừ đi việc thiện đó, tức là phải loại bỏ thiện hạnh đó; nói cách khác, sau khi triệt tiêu ác hạnh thì những thiện hạnh còn lại mới được tính. Tích lũy như vậy, tức là có thể tích lũy được 3.000 điều thiện hạnh tinh thuần, tích lũy 10 năm như thế, đại khái trong 10 năm này có rất nhiều ác hạnh ông phải không ngừng tu sửa, cho nên tích lũy rất chậm chạp. 3.000 điều thì ít nhất một ngày làm một việc thiện, cho nên 10 năm có thể hoàn thành. Vốn dĩ trong mệnh của ông không có số làm cử nhân, nhưng sau đó ông đã thi đậu. Sau đó, lần thứ hai phát nguyện muốn cầu thay đổi số mệnh không có con, hy vọng cầu con trai. Kết quả 3 năm thì 3.000 việc thiện lần thứ hai của ông cũng viên mãn. Làm thiện ngày càng nhanh, nên tự nhiên làm ác cũng ngày càng ít đi. Đến lần thứ ba phát nguyện muốn tu 10.000 việc thiện hy vọng cầu đỗ tiến sĩ. Đây đều là trong mệnh không có, kết quả không ngờ chỉ có một việc, ông làm quan huyện đã giảm thuế thóc cho toàn huyện, tức là giảm thuế khiến vạn dân được phước, cho nên một niệm này đã viên mãn. Cho nên, tổng cộng lại ông ít nhất dùng 13, 14 năm để làm viên mãn tất cả những việc thiện của ông, nên vận mệnh của ông đã được thay đổi.

Chúng ta xem ông Du Tịnh Ý là người cùng thời đại với ông, tu thiện hơi muộn hơn tiên sinh Liễu Phàm một chút, họ cách nhau khoảng mười mấy tuổi. Ông Du Tịnh Ý thay đổi làm mới từ trên tâm địa, cho nên ông thay đổi càng triệt để hơn, 3 năm là ông đã hoàn toàn thay đổi được. Vốn dĩ đời này ông không thi đậu cử nhân,

tiến sĩ, nhưng ông đã thi đậu tiến sĩ. Vốn dĩ ông có con cái, nhưng do đời này ông tạo rất nhiều ác niệm, dù ông không làm chuyện gì đặc biệt xấu xa, nhưng ác niệm vây hãm, niệm tham, niệm dâm, niệm khen mình khinh người, tức là tự cho mình cao, xem thường người khác, còn có niệm quá khích, còn có rất nhiều tham, sân, si, mạn. Cho nên, vốn dĩ ông sanh được 9 người con, kết quả người chết, người phân ly, người mất tích, cuối cùng chỉ còn lại một người con gái, nhưng tinh thần người con gái này lại không bình thường lắm. Sau đó Táo thần đã điếm hóa cho ông, khuyên ông phải triệt để hối lỗi sửa sai, cho nên ông đã lập chí sửa lỗi, không ngờ chỉ 3 năm, vốn dĩ đến năm 47 tuổi ông đều rất khó khăn cùng quẫn, còn tệ hơn cả tiên sinh Liễu Phàm, nhưng chỉ trong 3 năm thì vận mệnh ông đã hoàn toàn thay đổi, thi đậu tiến sĩ vốn dĩ có thể làm quan nhưng ông cũng không màng danh lợi, không muốn làm quan, nên đã về quê nỗ lực làm việc thiện, hơn nữa việc càng không thể nghĩ bàn là trong một cơ hội rất ngẫu nhiên ông lại tìm được người con trai đã mất tích nhiều năm, nhận ra người con trai này, con trai trở về nhà. Vợ của Du Tịnh Ý vì con cái mà khóc đến mù cả mắt, con trai sau khi liếm mắt cho mẹ mình, đã khiến đôi mắt của mẹ cậu sáng trở lại, có thể thấy vận mệnh của con người đều có thể thay đổi.

Kinh Hoa Nghiêm nói “tất cả do tâm tạo”, chỉ cần bạn có thể thay đổi tâm thì có thể thay đổi vận mệnh, hà tất phải đi làm những chuyện dự đoán cát hung chứ. Một người chân thật tu đạo thì không thể đoán ra vận mệnh, bởi vì họ hằng ngày đều sửa lỗi làm mới, cho nên vận mệnh đều đang thay đổi từng ngày. Do đó người xuất gia chúng ta chẳng những không tự xem cát hung, mà càng nên khuyên người khác hãy cố gắng sửa lỗi làm mới, không nên giúp người ta đi xem cát hung.

Chỗ này lại phải nhắc một chút, trong cửa Phật cũng có pháp môn tương tự như bói toán, ví dụ nói pháp môn “chiêm sát”, “chiêm luân tướng pháp”, còn có “thẻ Quán Âm”, những loại này đều thuộc về chánh pháp. Hai loại này khác với bói toán thông thường của thế gian, hai loại này: một loại là Quán Âm, một loại là Địa Tạng, hai loại chiêm pháp này đều là nương theo sức đại từ bi của Bồ-tát để chiêm sát. Phương pháp này có thể xem như một loại phương tiện tu hành của chúng ta. Khi chúng ta có nghi hoặc đối với tương lai thì như pháp mà chiêm sát. Như “chiêm luân tướng pháp” thì cần có luân, tức là loại luân thứ ba cũng có 6 luân là 1, 2, 3, 4, 5, 6, căn cứ theo phương pháp đó để gieo luân, phải niệm 1.000 tiếng danh hiệu Bồ-tát Địa Tạng, cầu Bồ-tát Địa Tạng từ bi chỉ thị. Khi chúng ta kiên thành tụng niệm Bồ-tát Địa Tạng như thế thì có thể đạt được cảm ứng đạo giao, Bồ-tát Địa Tạng sẽ đáp

ứng nguyện vọng của chúng ta, chỉ bảo cho chúng ta việc mà chúng ta muốn làm là thuận hay không thuận, là tốt hay không tốt, những việc này có thể hỏi được, thậm chí vận mệnh của mình, vận mệnh của gia đình, vận mệnh của quốc gia, thậm chí bản thân có thể tu hành chứng quả không, có thể khai trí tuệ không, có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc không v.v., đều có thể dùng cách chiêm luân này có thể hỏi ra được. Kết quả bói được chỉ là nghiệp thiện ác hiện tại của bạn, cảnh giới của tâm, tâm niệm của bản thân bạn. Đương nhiên chúng ta phải rất rõ ràng rằng cảnh giới này là thiên biến vạn hóa, bởi vì hết thảy do tâm tạo, tâm là thiên biến vạn hóa, nên tướng bói ra đương nhiên cũng là thiên biến vạn hóa, tướng chuyển theo tâm.

“Chiêm luân tướng pháp” quan trọng nhất là chúng ta phải hiểu được sự logic này, đạo lý này, chứ không phải đánh đồng với quan niệm về số mệnh của thế gian. Trong Phật pháp không nói quan niệm về số mệnh, cho nên khi chúng ta bói được tướng không tốt, trong kinh nói chỉ cần bạn kiên thành tụng niệm Bồ-tát Địa Tạng, cố gắng sám sám, cầu sám hối thì có thể chuyển tướng xấu này thành tốt. Đây mới là Phật pháp chân thật, cho nên thông qua phương pháp này cũng giống như khích lệ bản thân dũng mãnh tinh tấn tu hành.

“Thẻ Quán Âm” cũng thế, hiện nay rất nhiều chùa, ở bên này cũng có, gọi là rút thẻ Quán Âm. Việc này không chắc chắn là như pháp. Đại sư Ấn Quang đã giám định đối với “thẻ Quán Âm” rồi. Việc này thật sự như pháp, nhưng nhất định phải làm như pháp. Pháp này cũng cần xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm. Quan trọng nhất là nhất tâm, nhất tâm mới có thể được cảm ứng. Đạt được cảm ứng này, nếu bạn cảm thấy điều cầu được không như ý, bản thân cố gắng tu hành, sám hối thì có thể thay đổi được. Những cách này có thể dùng, trước đây đại sư Ngẫu Ích đều có dùng, ví dụ ngài hỏi bản thân có đặc giới không, ngài cũng làm thăm, rút thăm ở trước Phật, tự hỏi mình có đặc giới không? Việc này cũng có thể được. “Chiêm luân tướng pháp” cũng là một hành pháp do đại sư Ngẫu Ích biên soạn, viết ra từ trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Bản thân cũng có dùng, đặc biệt muốn hỏi một số chuyện liên quan đến việc tu hành của mình thì có thể tiến hành làm như pháp. Như pháp này quan trọng nhất chính là phải tụng 1.000 lần danh hiệu Bồ-tát Địa Tạng, không được tùy tiện gieo luân. Tâm khinh thường, tâm ngạo mạn, tâm không cung kính như vậy thì không đạt được cảm ứng.

Tiếp theo nói “ném thẻ vào bình”, trong Phạm Võng Bồ-tát Giới nói “ném đá vào bình”, thời xưa là dùng đá ném vào trong miệng bình, chính là một loại kỹ thuật

thi đấu như vậy. Bây giờ cũng dùng mũi tên, cũng dùng đạn, dùng tên để bắn tên vào bia. Như vậy cũng có thể thuộc vào loại ném thẻ vào bình này. “Bắn cung”, tức là đấu võ bắn cung, còn có “đua ngựa”, tức là kỹ thuật thi đấu cưỡi ngựa, còn có thi đấu kiếm, đấu võ với nhau, xem võ nghệ của ai cao cường. Những việc này đều gọi là “biểu diễn nghệ thuật”, không phải là việc mà người xuất gia chúng ta đi làm.

Có thể có người sẽ nghĩ đến Thiếu Lâm Tự chẳng phải cũng có võ tăng sao? Thời xưa, Thiếu Lâm Tự đều có truyền thống tập võ, việc này có thuộc về biểu diễn nghệ thuật không? Theo truyền thuyết thì loại võ công này là tổ sư Đạt-ma truyền lại, chủ yếu là do Thiếu Lâm Tự ở tỉnh Hà Nam, nằm ở phía Bắc, tại Tung Sơn, khi mùa đông tuyết rơi rất lạnh giá, người xuất gia ở trên núi, lại ăn chay, cho nên nhiệt độ cơ thể cũng không đủ, khí huyết cũng không thể lưu thông, rất dễ bị bệnh. Cho nên, tổ sư mới truyền phương pháp luyện võ này giúp khí huyết của chúng ta có thể lưu thông, là dùng để tập thể dục, giúp thân thể chúng ta khỏe mạnh, có thể tiện cho việc tu đạo, không để đến nỗi thân thể trở thành chướng ngại cho việc tu đạo, là dụng tâm như thế, việc này thì được, chứ không phải hoàn toàn là để tiêu khiển, hoặc để đánh nhau với người khác, tỏ ra mình có võ nghệ cao cường, điều này là hoàn toàn sai lầm. Nếu dùng tâm này để luyện võ thì đây chính là biểu diễn nghệ thuật, thậm chí hiện nay còn biểu diễn, càng có chút rời xa bản ý của tổ sư rồi.

Ở đây xin kể với mọi người một công án, ở trong Cao Tăng Truyện nói đại sư Huyền Trang triều nhà Đường khi còn rất trẻ, chỉ mới 11 tuổi đã xuất gia rồi. Ngài thấy một số sa-di tụ tập cùng nhau, ở đó tùy tiện nói cười, vui đùa, vậy là pháp sư Huyền Trang liền nói với họ rằng: “Người xuất gia là tu pháp vô vi, sao còn có thể làm những chuyện như trò trẻ con vậy chứ? Làm như vậy có thể gọi là uổng phí mất trăm năm rồi”, đã uổng công mất trăm năm rồi, tức là uổng phí một lần xuất gia. Bạn xem, đại sư Huyền Trang chỉ mới 11 tuổi, vẫn là một chú sa-di mà ngài đã không phóng túng như vậy rồi, tâm đều luôn mộ đạo, cho nên từ nhỏ có thể lập chí như vậy, do đó sau này ngài có thành tựu rất lớn. Chỗ chúng ta hiện nay sa-di nhỏ nhất tuổi thực là 11 tuổi, tuổi ta phải 12 tuổi rồi, lớn hơn so với đại sư Huyền Trang khi ấy. Giả sử những sa-di khác còn lớn hơn độ tuổi này mà vẫn còn cười đùa, vẫn không thể thật sự sanh khởi đạo tâm thì phải sanh khởi tâm hồ thẹn.

Tiếp theo: “*Cúng dường Phật thì nên bảo người khác hát, mình không nên tự hát*”, cúng Phật có thể dùng âm nhạc ca múa. Ở đây đặc biệt nói đến cúng Phật thì nên mời người khác, mời người tại gia đến hát, bản thân không được hát. Bởi vì mình

là người xuất gia mà hát thì cũng sẽ phạm điều giới ca múa, biểu diễn nghệ thuật này. Có thể có người thấy trong kinh Pháp Hoa có nhắc đến câu văn “đàn tỳ bà, chấp cheng”, nói rằng trong kinh Pháp Hoa chẳng phải cũng nói có thể tấu nhạc sao? Kinh văn trong kinh Pháp Hoa nói như sau: “Nếu bảo người hát, đánh trống, thổi kèn, vỗ sò, tiêu sáo, đàn không hầu, tỳ bà, chấp cheng đồng, đem tất cả các tiếng hay như thế cúng dường, hoặc dùng tâm hoan hỷ ca tụng đức của Phật, cho đến một tiếng nhỏ, đều đã thành Phật đạo”. Cho nên, kỳ thực trong kinh Pháp Hoa nói rất rõ ràng: “nếu bảo người hát”, đối với người xuất gia mà nói thì không được tự ca hát, nếu bảo người đi diễn tấu âm nhạc: “đánh trống, gõ trống, thổi kèn, thổi vỗ sò”, đây là tán tụng. Còn có “tiêu, sáo, đàn, đàn không hầu”, những thứ này đều là tên gọi của nhạc khí. Còn có “đàn tỳ bà, chấp cheng đồng”, chấp cheng đồng hiện nay chúng ta gọi là tang, khơ, đều có thể dùng để tán tụng, các tiếng hay như thế có thể đem cúng dường Phật, hoặc dùng tâm hoan hỷ để ca tụng tán tụng khen ngợi đức của Phật, ví dụ hiện nay thời khóa sáng tối chúng ta tụng những bài tán tụng đó, những việc này thì được.

Ở đây nói nên dùng tán tụng chứ không phải dùng những ca khúc thông thường của thế tục. Cho nên, câu phía sau nói “*tán Phật thì nên dùng cách tán tụng, không nên dùng âm thanh của các bài hát*”, âm thanh của các bài hát tức là nói âm nhạc của thế tục, những ca khúc thịnh hành, những ca khúc, âm nhạc thịnh hành này thường khiến tâm tình của chúng ta phóng túng, thậm chí sanh khởi suy nghĩ dâm dật, rất nhiều âm nhạc đều là nhạc đòi trụy, sau khi nghe rồi khiến người sanh khởi tà tư, tán tụng thì hoàn toàn khác. “Phạm” nghĩa là thanh tịnh, loại này khi Phật còn tại thế đã có rồi, khi ấy trong số đệ tử của Phật có không ít người đều hiểu những học vấn về âm nhạc, cho nên họ cũng dùng những cách tán tụng này để tụng tụng, thế nên kinh Pháp Hoa mới có những câu kinh văn này.

Cách tán tụng lưu truyền sang Trung Quốc, các tổ sư đại đức cũng truyền thừa và phát triển. Sau khi nghe những âm thanh này khiến tâm chúng ta cảm thấy thanh tịnh trang nghiêm. Những âm thanh hay, những Phạm âm hay này khiến người ta vô cùng cung kính, dù có những ác niệm, tà niệm cũng liền lập tức tiêu tan, giống như tiếng tán tụng được lưu lại tại chùa Định Huệ ở Tiêu Sơn, Trần Giang, gọi là “hải triều âm”. Âm thanh này được lưu lại từ thời xưa, hải triều âm này vô cùng du dương êm tai, cho nên khi ấy những thuyền bè qua lại trên sông đều thường dừng lại nghe những âm thanh tán tụng này, do đó rất nhiều người đều được tiếp dẫn vào cửa Phật,

tín ngưỡng Phật giáo. Cho nên, âm thanh của ca khúc rất dễ sanh khởi dục vọng, tăng thêm bi thương, dẫn dắt tham dục của con người, tăng trưởng tình chấp bi ai sẽ ảnh hưởng đến đạo tâm của chúng ta, nên không được đi nghe những ca khúc đó. Đương nhiên hiện nay Phật giáo cũng đều rất phổ cập, có một số người cũng dùng những ca khúc của thế tục để hát những bài tán tụng trong cửa Phật, đem nó làm thành như những ca khúc thịnh hành hiện nay. Phương pháp này đương nhiên tiếp dẫn người thế tục. Điều này cũng không thể nói là không tốt, nhưng người xuất gia chúng ta tốt nhất cũng đừng nghe. Bởi vì dấu sao giai điệu đó cũng không phải là tán tụng nên sẽ khiến chúng ta sanh khởi dục vọng, tăng thêm bi thương, sẽ sanh ra các loại tình niệm, điều này không tốt.

Tiếp theo: *“Thật sự đạt cảnh giới thì mới có thể làm kệ tụng. Không được học tập làm thơ, vẽ tranh như những sơn nhân thanh khách”*. “Thật sự đạt cảnh giới”, cảnh giới này chính là cảnh giới bạn nhìn thấy, cảnh giới mà bạn thật sự đạt được. Tổ sư đại đức thật sự khai ngộ chứng quả, cho nên các ngài có lưu lại một số bài kệ, một số bài thơ để biểu đạt cảnh giới mà trong tâm mình chứng được. Như Thiền tông, Tịnh độ tông đều lưu lại không ít thơ. Ví dụ “Chứng Đạo Ca” của đại sư Vĩnh Gia, thơ Tịnh độ của các vị tổ sư Tịnh độ, những bài thơ này đều giúp chúng ta thể hội trong việc tu hành, các cảnh giới trong tu hành. Điều này có lợi cho việc tu hành của chúng ta, nhưng nếu không thật sự có cảnh giới, mà chỉ để làm một số trò chơi chữ, làm ra vẻ dường như mình đã nhập vào cảnh giới rồi, viết một số thơ từ, điều này giới sa-di ở đây không cho phép.

Nếu làm kệ tụng đều không liên quan gì với việc tu hành, ví dụ viết những bài thơ về núi sông, thơ trữ tình không liên quan đến việc tu hành thì đương nhiên càng không thể được. “Không được học tập làm thơ, vẽ tranh”, tức là không được tùy tiện học làm thơ, học vẽ tranh. Người Trung Quốc có rất nhiều thơ, rất thích thơ, có ngũ ngôn tuyệt cú, ngũ ngôn luật thi, thất ngôn tuyệt cú, thất ngôn luật thi v.v.. Từ khi Khổng lão phu tử thu thập 300 bài thơ lưu truyền mãi về sau, do đó cổ nhân Trung Quốc đều thích làm thơ. Người hiện nay cũng thích làm thơ hiện đại, nhưng những bài thơ này, nếu không thật sự khai ngộ, mà chỉ là làm thơ để biểu đạt cảm tình, đều không ra khỏi tình chấp trong ý thức thứ sáu của mình, thì đều là biểu lộ vọng tưởng, chấp trước của bản thân mà thôi. Cho nên xưa nay nhà thơ có nhiều vọng tưởng, người xuất gia chúng ta đang cần phải đoạn vọng tưởng, đoạn chấp trước, vậy thì

làm sao còn có thể dùng phương pháp làm thơ để khích lệ vọng tưởng, chấp trước cho được?

Vẽ tranh cũng thế, ở đây nói đến vẽ tranh, chủ yếu là vẽ một số tranh núi sông, tranh người và vật. Xưa nay có một số đại đức, các ngài cũng vẽ tượng Phật, vẽ tượng Phật thì vẫn được, vì sao vậy? Vẽ tượng Phật thì giống như quán tượng Phật vậy, nhưng vẽ tượng Phật cũng cần phải y chiếu theo kinh điển, phải nên như pháp mà vẽ ra 32 tướng, 80 vẻ đẹp của Phật, không phải giống như vẽ người và vật thông thường, mà phải căn cứ theo kinh giáo như pháp mà vẽ. Nếu chỉ thích vẽ những tranh núi sông, người và vật thì việc này không phù hợp với người xuất gia. “*Như những sơn nhân thanh khách*”, sơn nhân chính là ẩn sĩ ở trong núi, thanh khách tức là thông thường thời xưa những quan lại quyền quý họ đều có khách môn hạ, như Mạnh Thường Quân có 3.000 môn khách, bình thường họ cũng không có việc gì làm. [Trong những] nhân duyên tình cờ thì họ có thể đề xuất cho chủ nhân một số ý kiến hay, hoặc bình thường họ đọc sách của mình, hoặc làm thơ, vẽ tranh, chính là những việc này, những việc này đều là văn nhân nho nhã của thế tục làm. Người xuất gia chúng ta không phải rất nhàn nhã, không làm việc gì cả. Nhàn tức là tâm chúng ta thông dong, tức là không tham trước ngũ dục lục trần nữa, nhưng không được để thân thể của chúng ta nhàn rồi. Thân phải cố gắng tu đạo, tu phước, tu tuệ. Tu phước, ví dụ ở thường trụ phục vụ nhiều hơn, đây chính là tu phước. Tu tuệ tức là dụng công nhiều hơn để thâm nhập kinh giáo, để học giới, tu định, niệm Phật cũng là tu định. Cho nên mỗi ngày đều phải có công khóa cố định, không được để bản thân bình thường ăn không ngồi rồi, không quan tâm chuyện gì, lãng phí thời gian của mình.

Cao tăng đại đức thời xưa tranh thủ từng giây từng phút để dụng công, như trong “*Truy Môn Sùng Hạnh Lục*” của đại sư Liên Trì ghi chép, có một vị cao tăng mỗi ngày ông đều tọa thiền dụng công, ngay đến thời gian quét dọn phòng ốc cũng không có, cho nên chỗ ông ngồi xung quanh toàn là bụi, một tầng bụi rất dày. Ông chỉ ngồi ở chỗ ngồi của mình, bởi vì thân thể ngồi xuống cho nên mới không có bụi, có thể thấy các ngài tranh thủ từng giây từng phút, không bỏ qua một giây một phút nào thì làm gì có thời gian mà làm thơ vẽ tranh, làm những việc nhàn nhã thoải mái này. Cho nên người xưa nói: “việc lớn chưa xong, buồn như mất đi cha mẹ”, khảo tử tức là cha mẹ đã qua đời, việc lớn của mình vẫn chưa rõ ràng, tức là vẫn chưa nắm chắc đại sự sanh tử, vẫn chưa phá tham, vẫn chưa khai ngộ, chưa liễu sanh tử thì chúng ta làm sao có thể phóng dật được chứ? Đau thương giống như mất đi cha mẹ

vậy, phải niệm niệm tu hành, không được quên chuyện lớn sanh tử, nếu không mấy chục năm xuất gia có thể sẽ trôi qua rất nhanh, đời người vô cùng ngắn ngủi, nếu chúng ta không cố gắng dụng công thì sẽ luống uổng mất tuổi thanh xuân quý giá nhất, khoảng thời gian quý giá nhất, tràn đầy tinh lực nhất, đến khi cuối đời thì “tuổi già chỉ có bi thương”.

Tiếp theo, “*học chữ chỉ để viết ngay ngắn, không được vì viết đẹp mà trở ngại bỏ bê chánh nghiệp xuất thế*”, tức là chúng ta học chữ, người xuất gia có cần học viết chữ không? Cũng có thể học viết chữ, học chữ chỉ cần học viết ngay ngắn, tức là chữ Khải, chữ Khải tương đối ngay ngắn, từng nét từng nét đều phải viết cho nghiêm túc, viết cho ngay ngắn, chữ như vậy là được rồi. “Không được vì viết đẹp”, không phải vì ham muốn nét đẹp của chữ đó, tương lai muốn trở thành một nhà thư pháp, muốn làm cho chữ của mình có thể lưu truyền thiên cổ, phải biết chữ viết có đẹp đến đâu thì cũng chưa chắc có thể liễu sanh tử, cho nên xuất gia lấy đạo nghiệp làm trọng, chứ không phải làm những việc ở phương diện nghệ thuật này. Đương nhiên phải viết chữ ngay ngắn, đây là tâm cung kính của mình lưu xuất ra, nhưng nói nó phải mang tính nghệ thuật đến mức nào thì không cần quá coi trọng. Bởi vì nếu tốn thời gian, tinh lực vào những tài nghệ này thì sẽ “trở ngại bỏ bê chánh nghiệp xuất thế”, sẽ trở ngại bỏ bê, bỏ phí mất đạo nghiệp xuất ly thế gian của chúng ta.

Có người nói: đại sư Hoằng Nhất thời cận đại chẳng phải cũng là nhà thư pháp sao? Ngài cũng dùng rất nhiều tranh chữ đẹp để kết pháp duyên với người. Phải biết đại sư Hoằng Nhất trước khi xuất gia đã là nhà thư pháp rồi, không phải sau khi xuất gia ngài mới học. Trước khi xuất gia, ngài có nhân duyên như thế, cho nên chữ của ngài viết rất đẹp, do đó sau khi xuất gia vẫn có rất nhiều người xin tranh chữ của ngài, nên ngài mới viết chữ để kết pháp duyên với người ta. Chữ viết đương nhiên đều là chép ở trong những kinh điển, những lời khai thị của tổ sư đại đức, kỳ thực đều là một phương pháp để hoằng dương Phật pháp. Bởi vì trước khi xuất gia ngài đã có kỹ năng này, cho nên mới dùng kỹ năng này để hoằng pháp, tuyệt đối không phải xuất gia rồi ngài mới bắt đầu học, vậy thì không đúng.

Tiếp theo chúng ta xem điều thứ tám. Chúng tôi giảng tùy văn thích nghĩa của điều thứ bảy rồi, nếu phạm điều “ca múa, biểu diễn nghệ thuật, cố ý đi nghe xem” này, trong giới tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni là thuộc về giới ở chương thứ năm, phải chí thành sám hối. Cư sĩ thọ bát quan trai giới, sa-di thọ mười giới là tội bậc hạ, phải khẩn thiết sám hối, đối thú sám hối.

Tiếp theo xem điều thứ tám: “không ngồi nằm trên giường cao rộng lớn”, trước tiên mời đọc đoạn văn này:

“Chân giường chỉ cao 1 thước 6 tấc, khi ngồi không hồng chân, quá mức ấy gọi là cao. Chỉ đủ thân có thể nghiêng qua, quá mức ấy gọi là rộng. Vừa cao vừa rộng gọi là lớn, người xuất gia không nên nằm ngồi [giường ấy], huống hồ là sơn vẽ, chạm trổ, dùng tơ lụa, màn nệm u? Theo chúng nằm giường liền dài thì không phạm. Thuyết pháp ngồi tòa sư tử thì không phạm. Ở trong nhà cư sĩ không có giường ghế thấp nhỏ mà tạm thời ngồi nằm thì không phạm”.

Ở đây chúng tôi cũng chia làm ba khoa để giảng giải. Thứ nhất là “tổng thuyết đề nghĩa”, trước tiên nói “giải thích sơ lược tên đề”. Tên đề này là “không ngồi giường cao rộng lớn”, tức là thân thể của chúng ta phải lia xa xúc trần. Ngồi thì thân thể sẽ tiếp xúc. Là đệ tử Phật, người xuất gia phải nương theo giới để tu hành. Trong bốn oai nghi là *đi, đứng, ngồi, nằm*, mọi việc đều phải biết đủ, không được khởi tham ái. Nếu thân thể tham ái giường nệm tốt đẹp thì sẽ tăng trưởng những tâm ngã mạn, ngạo mạn, kiêu ngạo ngang tàng, tăng trưởng tập khí lười biếng, sẽ xao nhãng việc tu tập thiền định, trì tụng. Cho nên trong Đại Học nói: “khi có cái yêu thích thì tâm không thể chánh”. Nếu thân thể chúng ta ham muốn cảm giác thoải mái thì tâm chúng ta không chánh được. Cho nên, trong Giới kinh nói chúng ta phải thường cầu tam-muội làm giường, trí tuệ làm tòa, nhất tâm hướng về đạo, không thể làm việc giống như người thế tục thông thường, tham ái sự thọ dụng giường chiếu đẹp.

Tiếp theo chúng tôi giảng về ý nghĩa chế giới. Phạm là giường ghế cao rộng sẽ tăng trưởng tâm cao ngạo của chúng ta. Đây không phải là hành nghi mà người tu học thánh đạo như chúng ta nên có. Cho nên những việc này cần phải làm theo quy tắc. Giường thế nào là cao, thế nào là rộng, đều có một giới hạn, không cho phép vượt qua giới hạn ấy. Nếu giường vượt qua giới hạn này mà chúng ta ngồi, chúng ta ngủ thì sẽ tăng trưởng tham ái, trái ngược với thánh giáo, cho nên Phật chế định điều giới này. Đối với chúng xuất gia chúng ta mà nói, bạn xem sa-di vừa xuất gia đã phải thọ giới này rồi, càng huống hồ là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni.

Giới hạn này, thứ nhất là lấy kích thước để luận cao rộng. Trong kinh A-hàm nói giường dây của sa-môn, giường dây thì thông thường người xuất gia khi hành cước đều phải mang theo, chủ yếu là dùng dây thừng để làm. Giường dây “chân dài 1 thước 6 tấc là không cao”, tức là chân của chiếc giường dây này không được vượt quá 1 thước 6 tấc. “Rộng 4 thước thì không rộng”, chiều rộng của nó không được

vượt quá 4 thước, vượt quá thì chính là rộng. “Dài 8 thước thì không lớn”, lấy 8 thước để luận, phải biết thước này chắc là thuộc về thước thời Chu. Thước Chu, đại khái hai thước là bằng một thước của chúng ta hiện nay. Có người nói một thước Chu đại khái là 24,6cm. Điều này cũng có khảo chứng. Ví dụ một thước Chu bằng 24,6cm, cứ coi như 25cm đi, chân cao 1 thước 6 tấc, lấy 25cm nhân với 1,6 thì cũng không tính là cao lắm. Rộng 4 thước, nói cách khác đại khái là 1m. Nếu 25cm tính là một thước thì 4 thước vừa đúng 1m, vậy vẫn phải nhỏ hơn 1m một chút, giường như vậy mới tương đối phù hợp với tiêu chuẩn. Nếu chiều dài là 8 thước thì chưa đến 2m, đại khái là 1m9, cho nên đây là một chiếc giường rất nhỏ, chỉ vừa đủ để chúng ta trở mình, ngủ có thể hơi trở mình là được. Nếu bạn muốn lăn mấy vòng thì không được.

Thứ hai là lấy chất liệu để luận cao rộng, tức là giường làm bằng nguyên liệu gì. Nếu dùng các loại sơn vẽ, chạm trổ, tơ lụa, màn nệm để trang sức, loại giường ghé tuyệt đẹp này là thuộc về giường cao rộng lớn. Đây là dùng sơn đẹp, các loại màu sắc, bên trên còn chạm trổ rất nhiều. Ví dụ bên trên chạm trổ núi sông người vật, thậm chí là rồng bay phượng múa, chạm rồng trỏ phượng; còn có tơ lụa, tơ lụa đều là dùng tơ lụa, dùng tơ tằm. Đây đều là những nguyên liệu do sát sanh hại mạng mà có được. Chúng ta nói đến nhiều màn, hoặc dùng chăn tơ, chăn nhung tơ, tức là làm bằng tơ tằm, những loại này đều không được dùng.

Chúng ta đến “tùy văn thích nghĩa”. Câu thứ nhất, “*chân giường chỉ cao 1 thước 6 tấc, khi ngồi không hồng chân, quá mức ấy gọi là cao*”. Giường thì có giường dây, có giường gỗ. Giường dây là dùng dây thừng hoặc dây đay làm thành, khi hành cước có thể dùng. Giường gỗ tức là làm bằng gỗ. Hiện nay ở đạo tràng chúng ta phần nhiều đều dùng giường gỗ. Năm xưa, khi đại sư Ngẫu Ích vắng sanh là ngồi ở trên giường dây, bởi vì đại sư Ngẫu Ích cũng hành cước. Chúng ta xem lý lịch cuộc đời ngài, có khi ngài đi hành cước, thậm chí tháng Chạp rét buốt ngài đều hành cước, có chút giống với hòa thượng Hư Vân, ngài cũng trải qua rất nhiều khổ cực, cuối cùng vắng sanh thị hiện cho chúng ta xem cũng là ngồi trên giường dây, thật sự là lấy khổ làm thầy. Đương nhiên chúng ta hiện nay đều không ngủ trên giường dây nữa, đều ngủ trên giường gỗ. Giường này cao 1 thước 6 tấc, tức là căn cứ theo kích thước 8 ngón tay của Phật để nói. Bởi vì độ rộng một ngón tay của Phật, bề rộng một ngón tay [của Phật] là hai tấc, rộng hơn người thường chúng ta. 2 tấc này là dùng thước Chu tấc Chu, cho nên 8 ngón tay là 1 thước 6 tấc. Vừa rồi nói một thước Chu là 24,6cm, cũng tức là nói 1 tấc Chu là 2,46cm. 1 ngón tay của Như Lai đại khái dài

gần bằng 5cm, tức là ngón tay rất lớn, bởi vì vóc dáng của đức Phật cũng cao lớn. Ở đây có một phương pháp rất đơn giản để nhận định, tức là khi ngồi không hồng chân thì không phải cao. Như chúng ta ngồi trên chiếc ghế này, ngồi lên trên mà chân có thể chạm đất, chạm bình thường trên mặt đất. Giả sử ghế của bạn quá cao thì chân của bạn không thể đặt bình thường trên đất được, đây là thuộc về cao.

“*Chỉ đủ thân có thể nghiêng qua, quá mức ấy gọi là rộng*”, chỉ cho phép thân thể của bạn có thể nghiêng qua. Nói cách khác, nếu khoảng cách vừa rồi không đến 1m, cứ tính độ dài là 1m, với chiều rộng này thì bạn nằm trên đó thật sự chỉ có thể hơi nghiêng mình một chút, mức độ nghiêng vẫn không thể quá lớn, nếu không sẽ rơi xuống giường. Còn “*vừa cao vừa rộng gọi là lớn*”, cho nên giường lớn là bao gồm vừa cao vừa rộng, giường lớn quá giới hạn thì đều không phải là giường mà người xuất gia nên nằm ngồi. Ngay đến ngồi cũng không được, càng huống hồ là nằm ngủ ở trên đó, như vậy sẽ tăng trưởng tâm phóng dật của bản thân, tăng trưởng tội lỗi.

Thời Phật tại thế thì tỳ-kheo đều không dùng giường, họ đều thường ngồi ở ngoài trời, ngồi dưới gốc cây, ngồi ở nghĩa địa. Khi bên ngoài có mưa thì họ có thể ở trong phòng, nhưng trong phòng cũng không có giường, mà chỉ ngồi nằm ở trên đất. Khi ấy Bình Sa Vương cúng dường cho Phật và tăng đoàn tinh xá Trúc Lâm, có rất nhiều trưởng giả đã xây rất nhiều phòng ốc để cúng dường đại chúng tăng, như đạo tràng tăng-già-lam hiện nay của chúng ta. Ở Ấn Độ khi đến mùa mưa, trời mưa thì lượng nước mưa rất nhiều, mặt đất rất ẩm thấp, kết quả những tỳ-kheo bị bệnh không thể ngồi nằm trên nền ẩm, nên đức Phật nói “cho phép làm giường”, như vậy mới có thể cho phép tỳ-kheo làm giường để ngồi nằm. Bởi vì khi ấy còn có rất nhiều rắn, bò cạp, rết thường vào trong phòng, những tỳ-kheo chưa ly dục sau khi nhìn thấy đều rất sợ hãi, cho nên đức Phật liền nói “cho phép làm chân giường”, là giường có chân nhưng không được cao quá 1 thước 6 tấc, tức là 8 ngón tay của Như Lai, 8 ngón tay cũng bằng với một cẳng tay của người thông thường chúng ta hiện nay, khoảng cách của cẳng tay trên cánh tay.

Tiếp theo, “*huống hồ là sơn vẽ, chạm trổ, dùng tơ lụa, màn nệm u?*”, càng huống hồ sơn vẽ lên, có rất nhiều màu sắc đẹp, còn điêu khắc, điêu là khoét ở trong ra, khắc là khắc lên bề mặt. Tơ lụa đều là chỉ hàng dệt tơ, đây là thông qua kéo tơ, lược tầm kéo tơ, sát hại sanh mạng mà có. Còn có màn nệm, màn lụa, nệm lụa. Nếu là bông vải, chăn bông thì đương nhiên có thể dùng, chúng ta hiện nay còn có màn,

đương nhiên đều không dùng lụa, những thứ này đều được. Sinh hoạt của các bậc đại đức Trung Quốc thời xưa đều vô cùng đơn giản, không thích xa hoa. Giống như Đại Vũ, ngài là thánh vương thời thượng cổ, phòng của ngài vô cùng đơn giản, ngài ra ngoài làm việc mới mặc quần áo và trang sức đẹp, bình thường khi ở nhà đều ăn mặc rất giản dị, phòng ốc, phòng của mình cũng không có đồ dùng gì đặc biệt trang nghiêm. Sống rất đơn giản thì tâm của bạn sẽ tương đối dễ thanh tịnh, người tu đạo có thể chuyên chú trên đạo nghiệp của mình.

Như thời xưa có một vị thiền sư tên là Kim Bích Phong, ngài dường như sắp khai ngộ rồi, nhưng do khi ấy hoàng đế rất tôn kính ngài nên ban cho ngài một chiếc bát rất đẹp, ngài yêu thích không rời tay. Kết quả ngày hôm đó thọ mạng của thiền sư Kim Bích Phong đã đến, Diêm-la vương phái hai tiểu quỷ phải đi bắt ngài. Khi ấy thiền sư nhập định, sau khi vào trong định thì hai tiểu quỷ ấy không bắt được. Kết quả lúc đó thần thổ địa xuất hiện nói với hai tiểu quỷ này rằng, muốn tìm được thiền sư Kim Bích Phong rất đơn giản, các vị gõ vào chiếc bát của ngài ấy là được rồi. Kết quả hai tiểu quỷ ấy hiểu ý, vậy là liền gõ vào chiếc bát của thiền sư, vang lên tiếng leng keng. Thiền sư đang ở trong định đột nhiên nghe thấy âm thanh này, ngài sợ có phải có người đến ăn trộm bát của ngài không, cho nên lập tức xuất định. Kết quả vừa xuất định thì liền mắc bẫy, 2 tiểu quỷ này lập tức bắt lấy ngài. Thiền sư Kim Bích Phong rất hối hận, biết đạo nghiệp của mình chưa thành tựu, bây giờ thọ mạng đến rồi. Tham ái chiếc bát này, bạn xem có một thứ không buông xả thì không thể thoát sanh tử, không ra khỏi sanh tử được. Sau khi ngài giác ngộ thì liền nói với hai tiểu quỷ này rằng: “Các vị có thể đợi tôi một chút được không? Tôi phải làm một việc, làm xong rồi các vị hãy đưa tôi đi”, 2 tiểu quỷ này liền đồng ý. Thiền sư Kim Bích Phong liền cầm chiếc bát của mình lên, chiếc bát này làm bằng ngọc cho nên vô cùng quý giá, ngài liền dứt khoát đập chiếc bát này xuống đất, đập vỡ ra, sau đó liền nói một bài kệ, ngay khi ấy ngài liền đại triệt đại ngộ, nói ra một bài kệ. Bài kệ này đại ý nói mình vì tham ái chiếc bát này mà không thể buông bỏ, bây giờ đập vỡ chiếc bát này rồi nên các vị không bắt được tôi nữa. Bởi vì khi một người khai ngộ rồi thì nhập vào cảnh giới vô ngã, quý thần cũng không có cách nào để bắt họ. Nói cách khác, họ không còn là người ở trong tam giới nữa.

Cho nên, tâm của chúng ta không nên vướng bận, mà nên để tâm ở trong đạo. Như chúng ta hiện nay là thời kỳ mạt pháp thì phải nhất tâm niệm Phật cầu vãng sanh, đây là con đường ôn hòa nhất, thẳng tắt nhất, nhanh chóng nhất, nhưng bản

thân cũng phải chuyên chú, dụng công, không được phóng dật, cho nên người xuất gia chúng ta ngoài tứ sự cúng dường ra, những thứ khác đều là vật ngu si, đây là lời của tôn giả Ca-diếp. Vì vậy, đồ càng ít càng tốt, đủ ăn đủ dùng đủ mặc, những thứ dư ra thì đều xả bỏ, đồ của bạn ít thì tự nhiên tâm bạn ít vướng bận, không có thứ để tham ái thì bạn chẳng có gì mà không buông bỏ được, khi sắp vãng sanh, A-di-đà Phật đến thì bạn có thể ra đi bất cứ lúc nào, đối với thế giới này không có chút gì vướng bận.

Như thiền sư Kim Bích Phong vừa kể nhận được vật cúng dường quý giá từ chỗ hoàng đế, vốn dĩ người xuất gia là người ở ngoài thế tục, dù những vua quan, người phú quý tôn kính chúng ta, tặng chúng ta những vật cúng dường cao cấp, quý giá, nhưng chúng ta cũng không được thọ dụng. Bạn có thể xem đó là một vật phẩm để khơi gợi tín tâm của mọi người, ví dụ có thể đem trưng bày để mọi người tăng trưởng tín tâm, nhưng không phải bản thân dùng để thọ dụng, càng không được tham ái, chiếm làm của riêng. Nếu tham ái những thứ này thì sẽ tổn đức chuốc họa, cho nên trong Sa-di Luật Nghi Yếu Lược nói: “Người xưa dùng cỏ làm tòa ngồi, ngủ dưới gốc cây”. Chúng ta hiện nay có giường chiếu, giường nhỏ thì đã rất thù thắng rồi, hà tất phải yêu cầu giường cao rộng lớn hơn chứ, lại buông thả thân thể như huyễn như hóa của mình. Như bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta xả bỏ hưởng thụ vinh hoa phú quý, ngủ dục ở vương cung, trú thân dưới gốc cây, khi thành Phật ngài cũng lấy cỏ để làm tòa ngồi, ở trên tòa ngồi phát nguyện rằng nếu ta không thành vô thượng chánh đẳng chánh giác thì ta trọn không rời khỏi tòa ngồi kiết già này. Cho nên, đức Phật đã làm một tấm gương cho chúng ta, người xuất gia nhất định phải thiếu dục tri túc, lấy khổ làm thầy.

Ở đây lại kể một công án, chính là câu chuyện tôn giả Hiếp cả đời lưng không dính chiếu. Trong Tây Vực Ký ghi chép, tôn giả Hiếp là người Trung Thiên Trúc, tức là người Trung Ấn Độ, ban đầu ngài tên là “Nan Sanh”, bởi vì ngài ở trong thai mẹ tròn 60 năm mới ra đời, cho nên gọi là Nan Sanh (tức là khó sanh). Có lẽ cũng do dưỡng ở trong thai mẹ thời gian dài như thế, cho nên nền tảng thể lực của ngài đặc biệt tốt, khi 80 tuổi ngài mới xuất gia, khi ấy xuất gia với tổ thứ chín là tôn giả Phục-đà. Sau khi ngài xuất gia, rất nhiều tỷ-kheo trẻ tuổi chê cười ngài rằng: “công việc xuất gia: một là phải tập thiền, thiền định, hai là phải tụng kinh, bây giờ thầy đã già rồi, còn tiến thủ gì nữa chứ?” Tôn giả sau khi nghe xong liền phát nguyện rằng: “ta nếu không thể quán thông ba tạng thánh giáo, không thể đoạn trừ 3 loại nghiệp

hoặc, đạt được 6 loại thân thông, đầy đủ 8 loại giải thoát thì cuối cùng ta quyết lưng không dính chiếu”. Chữ hiệp này tức là xương bả vai của chúng ta, nói cách khác, không được nằm xuống, cũng tức là thông thường chúng ta nói “bất đảo đơn”.

Cho nên, ngài ở chỗ tổ thứ chín, đồng thời phụng sự tổ, phụng sự sư trưởng, ban ngày nghiên cứu tam tạng, ban đêm ngồi thiền dụng công, chưa từng ngủ nghỉ. Đây là gì vậy? Ngài là bất đảo đơn, không phải ngồi ở đó ngủ, rất nhiều người học bất đảo đơn, trên thực tế chính là ngồi ngủ, thật sự bất đảo đơn là không được ngủ, họ là ngồi thiền, nhập thiền định, không mất chánh niệm. Bây giờ chúng ta ngồi ở đó kỳ thực đầu đầu gục xuống rất thấp, kết quả toàn bộ xương cổ đều sẽ bị tổn thương, như vậy thì chẳng bằng nằm xuống ngủ. Cho nên, nếu ta không có công phu này thì đừng học máy móc, các ngài thật sự có đạo tâm này, cũng có công phu như thế, cũng có thể lực như thế, đến 80 tuổi mà dụng công tu hành như vậy. Kết quả, sau đó trong 3 năm ngài thật sự đã hoàn thành tất cả thệ nguyện của mình, cho nên sau đó ngài đã thành tổ thứ 10. Đây là chúng ta nói Thiền tông là bắt đầu từ Ấn Độ, bắt đầu từ tôn giả Ca-diếp là sơ tổ, ngài A-nan là tổ thứ hai, thứ tự như thế đến ngài là tổ thứ 10, tổ sư Đạt-ma là tổ thứ 28. Cho nên, có thể thấy được thật sự dụng công tu đạo, tức là không hưởng thụ những thứ giường chiếu tiện nghi của cuộc sống này, cũng bao gồm cả y thực mà chúng ta thọ dụng, sẽ có sự giúp đỡ rất lớn đối với việc khích lệ đạo tâm của ta.

Ở đây có nói bao gồm một số phần khai duyên: “*Theo chúng nằm giường liền dài thì không phạm*”. Đây là nói theo đại chúng tăng ngủ trên giường rộng. Rất nhiều đạo tràng, đặc biệt là đạo tràng thời xưa đều ngủ giường rộng, giường chung rộng. Giường này không thể nói là rộng được, vì họ là một người một chỗ nằm, cho nên điều này không phạm.

“*Thuyết pháp ngồi tòa sư tử thì không phạm*”, pháp sư giảng pháp phải ngồi tòa cao thuyết pháp, đây cũng là quy định ở trong Phạm Võng Bồ-tát Giới. Vì sao vậy? Bởi vì ngồi tòa cao thuyết pháp là một sự tôn kính đối với pháp, tứ chúng nghe pháp ngồi ở dưới, tâm nghe pháp giống như nghe Như Lai khai thị vậy. Đại sư Ấn Quang nói: “một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”, dùng tâm chí thành cung kính nghe pháp thì có thể đạt được lợi ích, cho nên nghi thức này là cần thiết. Do đó nói pháp sư ngồi tòa cao, tòa sư tử, tức là tòa rất cao, tòa sư tử đều sơn vẽ chạm trổ rất nhiều, như vậy ngồi lên sẽ không phạm. Nhưng vì thuyết pháp mới có thể ngồi, bạn không thể nói tôi thường ngày

cũng hay thuyết pháp, vậy thì tôi thường ngồi cũng ngồi cái ghế đó, vậy cũng không được, chỉ khi thuyết pháp mới có thể ngồi.

“Ở trong nhà cư sĩ không có giường ghế thấp nhỏ, mà tạm thời ngồi nằm thì không phạm”, ở đây cũng rất rõ ràng rồi, tức là khi đến nhà bạch y làm khách, ví dụ bạn nhận lời đàn việt cúng dường, chúng ta đến nhà cư sĩ để ứng cúng, có thể vị trí ngồi đó của nhà họ đều rất cao, bạn không thể nói: “nào, lấy một chiếc cưa [ra đây để] tôi cưa chân ghế đó đi”, như vậy thì lần sau người ta sẽ không dám mời bạn nữa, cảm thấy người xuất gia như bạn có chút gì đó thật kỳ lạ! Hoặc ví dụ, do vội lên đường nên chúng ta phải ở khách sạn, ở nhà trọ, giường nhà trọ có thể là giường lớn, vậy bạn không thể nói: “này ông chủ, tôi không thể ngủ trên chiếc giường cao này được, ông lấy cưa cưa cho nó thấp xuống một chút”, không được, việc này hãy tùy duyên. Tạm thời nằm ngồi thì không phạm, không có giường ghế thấp nhỏ thì có thể nằm ngồi, nhưng đừng sanh tâm tham ái.

Cho nên, thông thường người xuất gia chúng ta đều mang theo ngọa cụ, 6 vật mà tỳ-kheo mang bên mình là ba y, bát, ngọa cụ, còn có túi lọc nước. Ngọa cụ này rất điển hình, độ rộng vừa phải, không quá rộng, thông thường chúng ta ngủ đều trải ngọa cụ lên giường, thậm chí chúng ta hiện nay, buổi tối tốt nhất đều nên trải ngọa cụ lên giường. Nếu không có giường phù hợp giới hạn thì chúng ta tác ý nghĩ rằng chúng ta ngủ đừng vượt quá phạm vi chiều rộng của ngọa cụ này, như vậy cũng được. Nếu người tại gia khi thọ trì bát quan trai giới cũng có thể dùng một chiếc khăn tắm trải lên giường. Ví dụ nhà bạn không có giường nhỏ thì bạn có thể khai duyên như vậy, trải lên chiếc giường to ấy, sau đó tự tác ý tôi ngủ không vượt qua phạm vi chiếc khăn tắm này, như thế cũng được.

Điều giới này chúng tôi cũng giảng xong rồi. Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây, cảm ơn mọi người!